

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS - ST

Ngày: 22- 10- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Việt Cường

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Phương - Thư ký Tòa án TP Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST - HS ngày 11/10/2021 đối với bị cáo:

Lê Chuẩn T - sinh năm 1972 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: Khu phố K, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Chuẩn T2 (đã mất) và bà Vũ Thị S (đã mất); vợ: Phạm Thị H (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2009 bị TAND thị xã Bà Rịa Vũng Tàu xử 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” (đã chấp hành xong bản án), năm 2011 bị TAND thị xã S, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đã chấp hành xong bản án), tháng 3/2017 bị TAND thị xã S, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đã nộp án phí và chấp hành xong hình phạt ngày 16/8/2018; bị cáo tại ngoại “có mặt”.

Bị hại: Anh Lê Văn Đ - SN 1994 “vắng mặt”

Địa chỉ: T, phường Đ, thành phố Thanh Hóa

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Hữu S - SN 1971 “vắng mặt”

Trú tại: Thôn H, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09h30 ngày 03/6/2021, anh Lê Văn Đ là cán bộ thuộc Đội Cảnh sát giao thông Công an thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đang làm nhiệm vụ tại khu vực giao nhau giữa đường N và Đại lộ C thuộc phường T, thành phố T phát hiện Lê Chuẩn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, BKS 36N1- 07088 vi phạm giao thông nên yêu cầu T dừng xe để kiểm tra. Do T không xuất trình được giấy tờ xe nên anh Đ yêu cầu quay về chốt giao thông tại ngã tư đường N với Đại lộ Lê Lợi thuộc phường Phú Sơn để lập biên bản. Lúc này, anh Đ giao chiếc xe máy của mình nhãn hiệu Exciter 135 màu xanh bạc, BKS 36B4- 705.84 cho T, còn anh Đ điều khiển xe máy của T cùng đi về chốt giao thông để giải quyết. Trên đường đi T điều khiển xe đi trước, anh Đ đi phía sau. Khi về gần đến chốt thì anh Đ vượt lên trước, lúc này biết xe của mình không có giấy tờ hợp lệ nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của anh Đ. T cho xe đi vào lề đường để khuất tầm giám sát và đợi khoảng 05 phút không thấy anh Đ quay lại nên T điều khiển xe về S. Trên đường đi T tháo biển kiểm soát vớt ở dọc đường. Ngày 04/6/2021 T mang xe đến nhà anh Nguyễn Hữu S nói dối là xe của T, biển kiểm soát đang bị hỏng nên không lắp vì đang cần tiền nên muốn bán xe. Do tin tưởng nên anh S đồng ý mua với giá 12.000.000đ nhưng trả trước 5.000.000đ, số tiền còn lại khi nào có giấy tờ, biển số xe sẽ trả đủ hết. Lấy được tiền T ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 16/6/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter BKS 36B4- 70584 trị giá: 21.500.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho anh Đ, anh Đ không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Đối với anh Nguyễn Hữu S là người mua xe. Khi mua xe, anh S không biết là xe do phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý. T đã bồi thường cho anh S 5.000.000đ, anh S không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với chiếc xe máy Honda Blade, BKS 36N1- 07088 thu giữ của T. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là vật chứng trong vụ án “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 01/6/2021 tại khu phố V, phường T, T phố S, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan điều tra đã chuyển vật chứng đến Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Đối với biển kiểm soát xe máy của anh Đ, T khai khi tháo ra đã vớt ở dọc đường nhưng không nhớ vị trí cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 286/CT-VKS ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân T phố Thanh Hoá truy tố Lê Chuẩn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng: điểm a khoản 1 Điều

175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 09h35 ngày 03/6/2021 tại đầu đường Đại lộ C giao nhau với đường N, phường T, thành phố T. Anh Lê Văn Đ giao chiếc xe máy nhãn hiệu Exciter BKS 36B4- 70584 trị giá 21.500.000đ cho Lê Chuẩn T điều khiển, T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt xe bán lấy tiền ăn tiêu cá nhân.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Lê Chuẩn T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Sau khi nhận được tài sản của bị hại, bị cáo đã không trả lại tài sản cho chủ sở hữu mà chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an chung cần xử lý nghiêm minh.

[4] Nhân thân và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, đã được các cơ quan pháp luật cải tạo, giáo dục nhưng không chịu cải sửa mà còn phạm tội chứng tỏ bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật.

Với nhân thân, tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi áp dụng hình phạt cần căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì tại các cơ quan pháp luật thành khẩn khai báo và đầu thú.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn Đ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, anh Nguyễn Hữu S đã nhận lại tiền mua xe và không có yêu cầu bồi thường gì

thêm nên công nhận phần dân sự giữa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được giải quyết xong.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; BLHS. Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Chuẩn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Lê Chuẩn T 24 (hai bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận phần dân sự giữa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được giải quyết xong.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Người tham gia TT;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Thị Thủy